

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/HNGĐ - ST**  
Ngày 18 - 7 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Quang;

Bà Lê Thị Phương Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quang Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp P, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp x, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp P, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương ngày 28/6/2016. Việc chung sống với nhau và kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2021, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hợp nhau, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016. Hiện con chung đang ở cùng với ông T1. Khi ly hôn, Bà T nhường quyền trực tiếp nuôi con chung cho ông T1. Về cấp dưỡng nuôi con bà sẽ trực tiếp đưa cho ông T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông T1 và Bà T chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương ngày 06/02/2016. Việc chung sống với nhau là do ông bà hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông cũng có lúc cãi nhau vì những chuyện vụn vặt, ông T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ông chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Do vợ ông nghe lời người khác bỏ nhà đi, không chăm sóc con cái, ông khuyên nhiều lần nhưng vợ ông không quay về. Ông mong muốn vợ chồng về chung sống với nhau để cùng nhau chăm sóc con cái, vì vậy ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T1 và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016. Hiện con chung đang sống cùng với ông. Nếu Bà T vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con nên ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, cuộc sống hôn nhân giữa Bà T và ông T1 không hạnh phúc, ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ông T1 không có biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Về con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016 hiện đang sống cùng với ông T1, Bà T nhường quyền trực tiếp nuôi con chung cho ông T1, ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét. Từ đó, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn, giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1, Bà T nhường quyền trực tiếp nuôi con chung cho ông T1. Bị đơn ông T1 hiện cư trú tại Ấp P, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà T và bị đơn ông T1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Đặng Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/6/2016. Bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng bị đơn mong muốn vợ chồng hòa giải mâu thuẫn về chung sống với nhau. Tại biên bản xác minh địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn sinh sống thì địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của Bà T và ông T1. Nguyên đơn Bà T không mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông T1, Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được và ông bà đang sống ly thân nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

[3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh, sổ hộ khẩu và lời trình bày của nguyên đơn bà Đặng Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 xác định Bà T và ông T1 có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016. Nguyên đơn Bà T nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho bị đơn ông T1. Trường hợp phải ly hôn, ông T1 có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung Nguyễn Tiến Đ đang sống cùng với bị đơn, để đảm bảo cho sự ổn định phát triển, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, HĐXX căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ông T1 không yêu cầu Bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của ông T1.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2016 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T1 về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007814 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Chang**